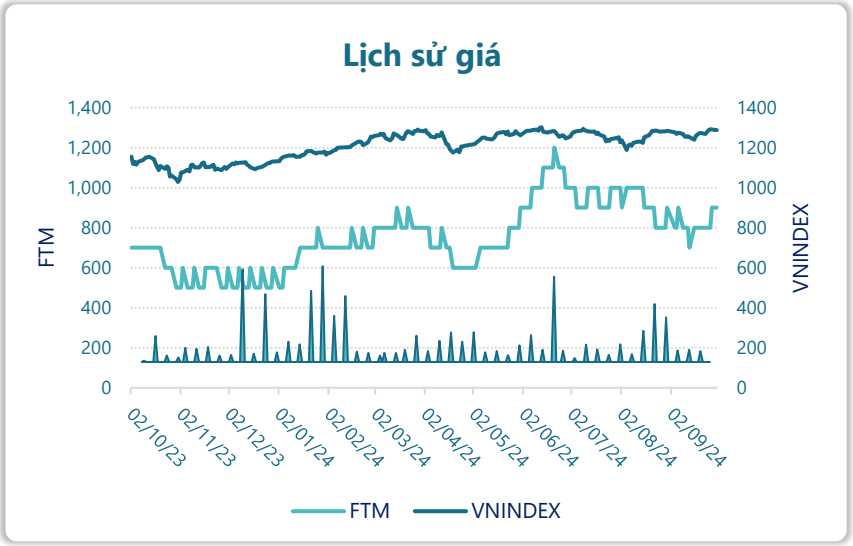
CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân (UPCOM: FTM)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	500
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	41,095
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
P/E	-0.3
EPS	-2,593

DT thuần

Q3/24

43.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.10| -6.8%

YoY: ▲ 4.90| 12.8%

LN sau thuế

Q3/24

-30.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.1| -231%

YoY: ▲ 30.6| 50.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

-25.6%

+/- YoY: ▲ 69.0%

DT thuần

9T 2024

129

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00| -1.6%

LN sau thuế

9T 2024

-82.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 100| 54.9%

ROE

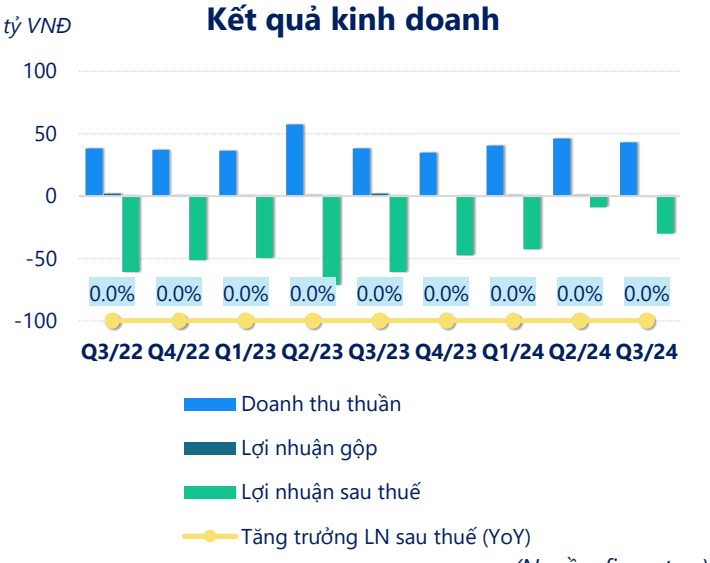
Q3/24

22.1%

+/- YoY: ▼ 98.3%

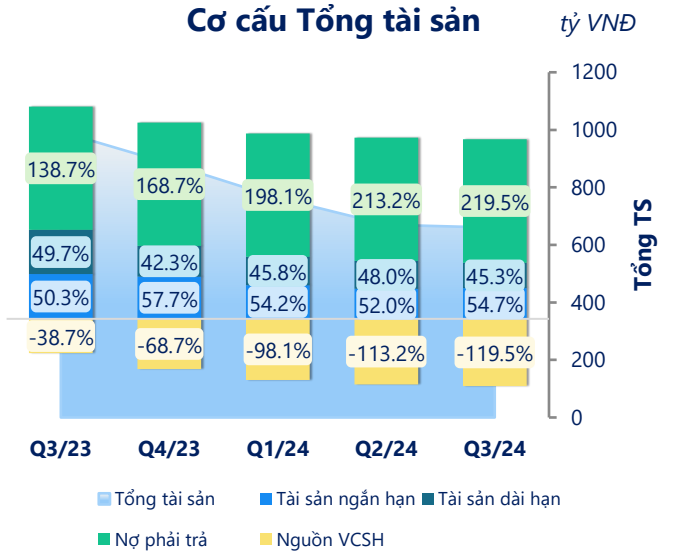
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



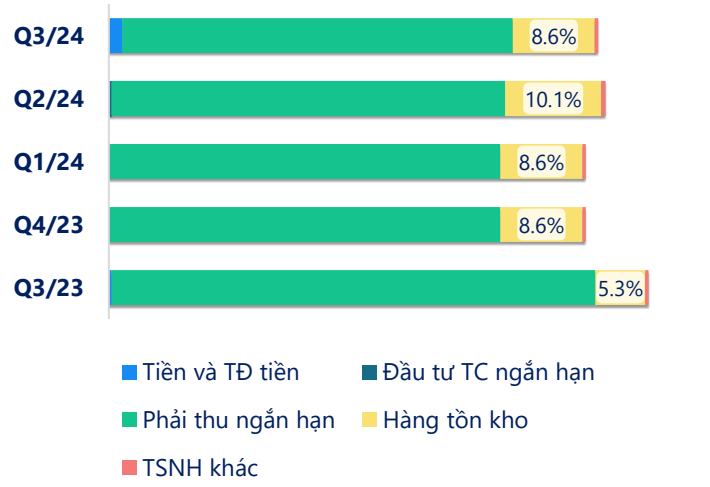
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



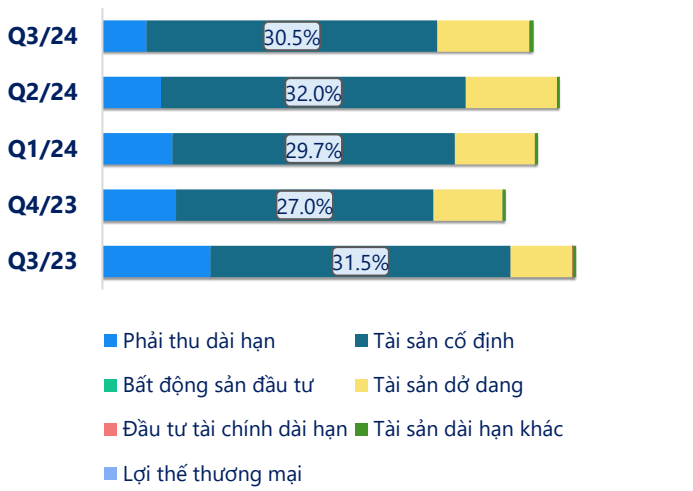
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



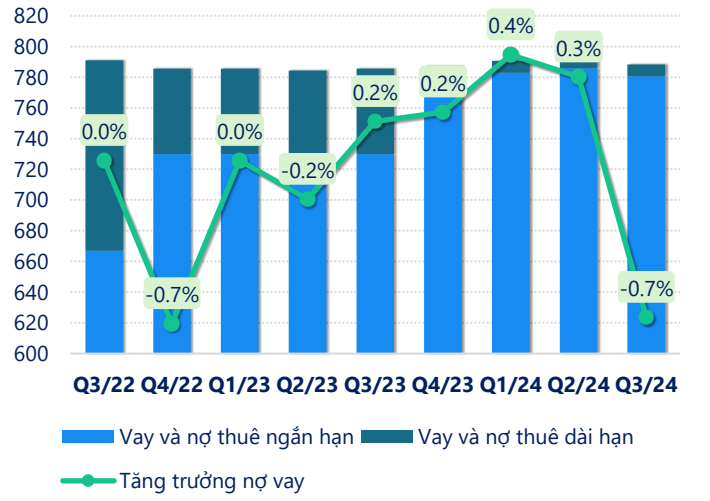
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



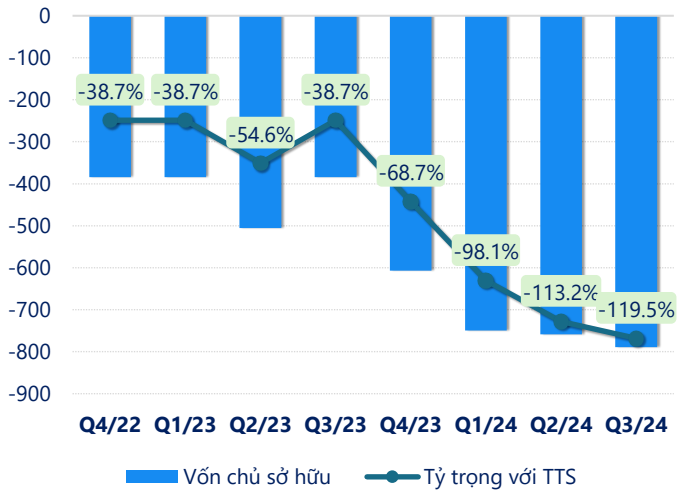
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



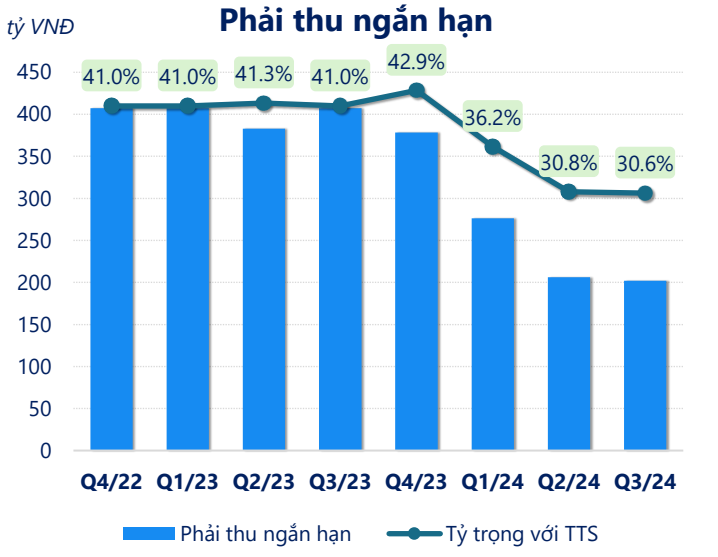
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



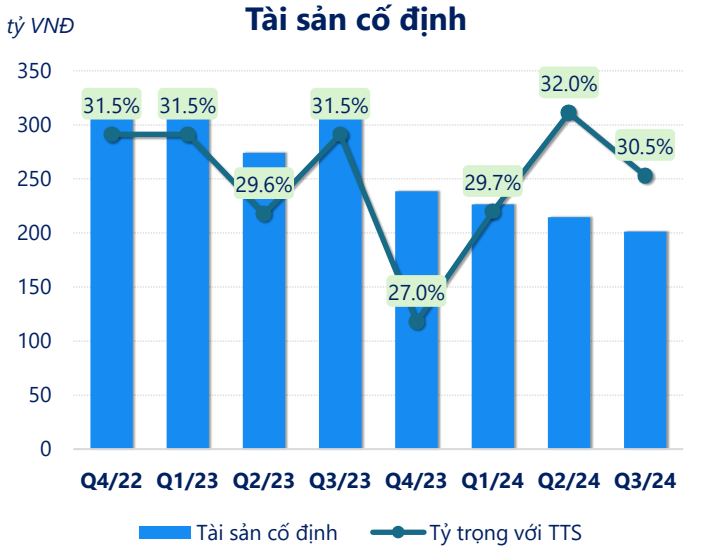
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



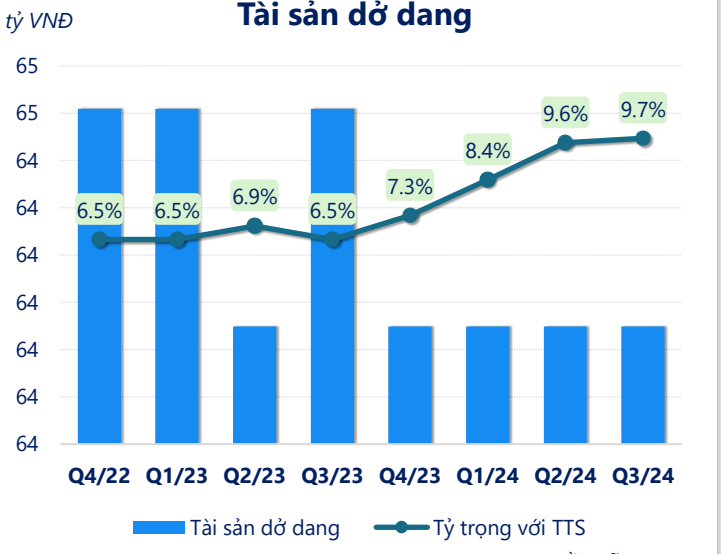
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



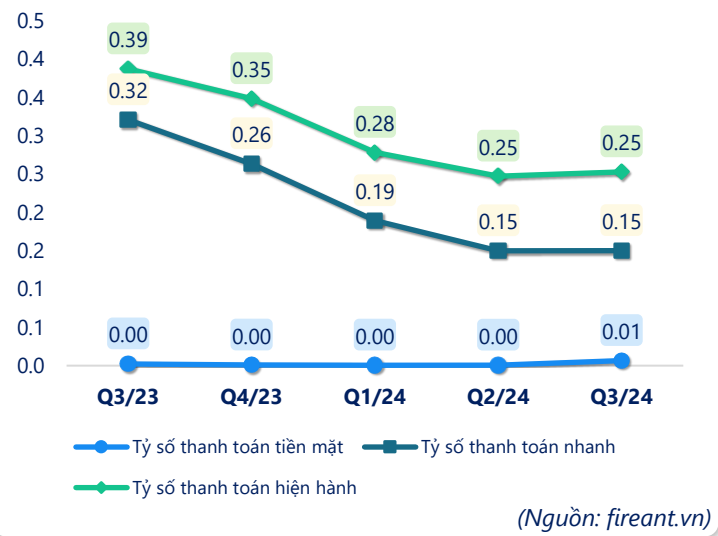
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



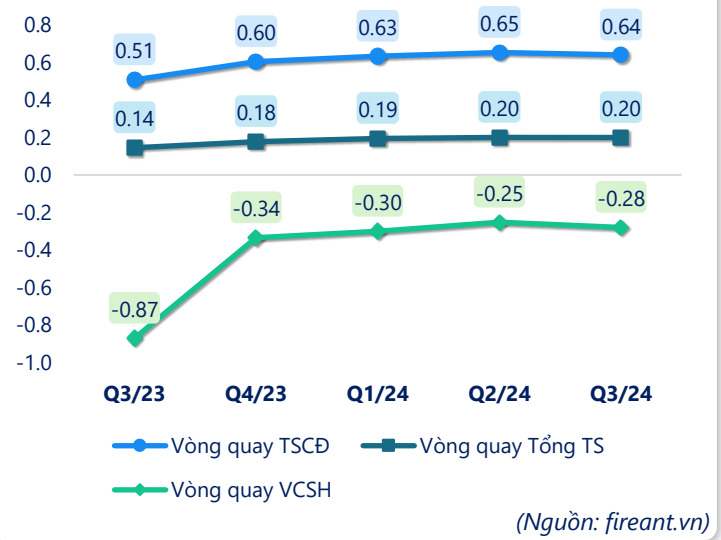
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**994**	**883**	**764**	**670**	**660**
Tài sản ngắn hạn	**499**	**509**	**414**	**348**	**361**
Tiền và tương đương tiền	2.85	1.09	0.98	0.79	9.39
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.50	1.50	1.50	1.50
Phải thu ngắn hạn	407	378	276	206	202
Hàng tồn kho	85.6	124	133	137	147
Tài sản ngắn hạn khác	3.56	4.04	2.81	2.40	1.34
Tài sản dài hạn	**494**	**374**	**350**	**322**	**299**
Phải thu dài hạn	113	68.1	56.2	41.3	30.6
Tài sản cố định	313	239	227	214	201
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	64.5	64.0	64.0	64.0	64.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.24	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.72	2.99	2.80	2.14	2.78
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,378**	**1,490**	**1,514**	**1,429**	**1,449**
Nợ ngắn hạn	**1,290**	**1,462**	**1,489**	**1,409**	**1,429**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	730	779	783	786	781
Phải trả người bán ngắn hạn	54.3	48.7	49.0	49.4	50.0
Nợ dài hạn	88.2	28.2	24.2	20.2	20.2
Vay và nợ thuê dài hạn	55.7	7.70	7.70	7.70	7.70
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-385**	**-607**	**-750**	**-759**	**-789**
Vốn chủ sở hữu	**-385**	**-607**	**-750**	**-759**	**-789**
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)